

Ban Quan hệ Quốc tế - VCCI

# HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

Người liên hệ: **Hoàng Thị Thùy Linh**

Tel: **024.35742022 ext 200**

Email: [linhhtt@vcci.com.vn](mailto:linhhtt@vcci.com.vn)



**01.2020**

# HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

## MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG .....	3
1. Các thông tin cơ bản .....	3
2. Lịch sử .....	4
3. Văn hoá xã hội .....	4
4. Du lịch .....	4
5. Con người .....	5
6. Quan hệ quốc tế .....	5
7. Văn hóa kinh doanh .....	5
II. TÌNH HÌNH KINH TẾ .....	6
1. Tổng quan .....	6
2. Các ngành kinh tế mũi nhọn: .....	6
3. Các chỉ số kinh tế.....	7
III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM .....	7
1. Các chuyến thăm cao cấp gần đây .....	7
IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM.....	8
1. Hợp tác thương mại .....	8
2. Hợp tác đầu tư.....	9
3. Hợp tác trong các lĩnh vực khác .....	12
Viện trợ ODA của Hàn Quốc cho Việt Nam: .....	12
V. HỢP TÁC VỚI VCCI.....	8
1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết.....	13
2. Hoạt động đã triển khai.....	13
VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH.....	14

## PHỤ LỤC THAM KHẢO

Bảng 1. Xuất khẩu VN – Hàn Quốc

Bảng 2. Nhập khẩu VN – Hàn Quốc



## I. GIỚI THIỆU CHUNG



### 1. Các thông tin cơ bản

<b>Tên nước</b>	Đại Hàn Dân Quốc
<b>Thủ đô</b>	Seoul
<b>Quốc khánh</b>	3/10
<b>Diện tích</b>	99.720 km <sup>2</sup> Trong đó diện tích đất liền: 96.920 km <sup>2</sup> ; diện tích mặt nước: 2.800 km <sup>2</sup>
<b>Dân số</b>	51,8 triệu người (tính đến tháng 7/2019)
<b>Khí hậu</b>	Khí hậu ôn đới, có 4 mùa rõ rệt. Mùa xuân và mùa thu khá ngắn, mùa hè nóng và ẩm ướt, mùa đông thì lạnh, khô và tuyết rơi nhiều.
<b>Ngôn ngữ</b>	Tiếng Hàn
<b>Tôn giáo</b>	đạo Cơ đốc (31,6%), đạo Phật (24,2%)
<b>Đơn vị tiền tệ</b>	Đồng Won, Tỷ giá 1 USD = 1.227 KRW (Won) (năm 2019)
<b>Múi giờ</b>	GMT + 2

**Thế chế** Người đứng đầu Đại Hàn Dân quốc là Tổng thống do dân trực tiếp bầu ra mỗi năm năm một lần và không được phép tái ứng cử. Tổng thống là đại diện cao nhất của quốc gia và có quyền chỉ huy quân đội (tương đương chức: Tổng Tư lệnh). Thủ tướng do Tổng thống chỉ định và lãnh đạo chính phủ. Chính phủ có tối thiểu 15 và tối đa là 30 thành viên. Thành viên chính phủ do thủ tướng chỉ định. Chức vụ thủ tướng cũng như bộ trưởng phải được sự thông qua của quốc hội.

Quốc hội Hàn Quốc chỉ có một viện và được gọi là 국회 (國會, Gukhoe, Quốc hội). Đại biểu quốc hội được bầu mỗi bốn năm một lần. Quốc hội có tất cả 299 đại biểu.

Cơ quan quan trọng thứ ba trong hệ thống chính trị Hàn Quốc là Toà án tối cao. Cơ quan này theo dõi hoạt động của chính phủ và ra các phán quyết cuối



cùng. Toà án gồm có chín thẩm phán tối cao. Tổng thống trực tiếp chỉ định ba người trong số này, ba người được quốc hội bầu ra, tuy nhiên phải được sự chấp thuận của tổng thống. Chánh án toà án tối cao là người chỉ định ba thẩm phán còn lại.

**Tổng thống**

**Moon Jae-in (từ 5/2017)**

**Thủ tướng**

**Chung Sye-Kyun (từ 1/2020)**

**Các tỉnh thành phố khác**

06 thành phố lớn trực thuộc trung ương (Incheon ở phía Tây Seoul, Daejeon ở miền trung, Kwangju ở phía Tây Nam, Daegu và Busan ở phía Đông Nam, Ulsan và 9 tỉnh; 01 tỉnh tự trị (Jeju).

**Vị trí địa lý**

Hàn Quốc nằm trên Bán đảo Triều Tiên, một bán đảo trải dài 1.000 km từ bắc tới nam, ở phần đông bắc của lục địa Châu Á, nơi hải phận của bán đảo tiếp giáp với phần cực tây của Thái Bình Dương. Phía bắc bán đảo tiếp giáp với Trung Quốc và Nga. Phía đông của bán đảo là Biển Đông, xa hơn nữa là nước láng giềng Nhật Bản. Ngoài bán đảo chính còn có hơn 3.200 đảo nhỏ.

**Cấu trúc tuổi**

0-14 tuổi: 12,7 %  
 15-64 tuổi: 71,4%  
 từ 65 tuổi trở lên: 15,9%

**Các đảng phái chính trị**

Ngoài Đảng cầm quyền đại dân tộc (chiếm hơn 50% số ghế trong Quốc hội) còn có các đảng khác như: Dân chủ, Tân tiến và Sáng tạo, Dân chủ Lao động, Liên minh than Pac Kurn Hê, Hàn Quốc sáng tạo và Tiến bộ tân đảng.

**2. Lịch sử**

Trước năm 1945, Hàn Quốc hay Triều Tiên chỉ là tên gọi khác nhau của bán đảo Triều Tiên. Đất nước này có khoảng 5.000 năm lịch sử. Tổ tiên của người Triều Tiên là những người thuộc các bộ lạc Mông Cổ di cư từ vùng Trung Á đến bán đảo.

Cuối thế kỷ 19, bán đảo Triều Tiên bị các nước lớn Trung Quốc, Nga, Nhật Bản tranh giành nhau. Năm 1910, Nhật Bản thôn tính Bán đảo. Năm 1945, Bán đảo được giải phóng, nhưng đất nước bị chia cắt, hình thành hai nhà nước theo hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau: Phía Nam gọi là Đại Hàn Dân Quốc gọi tắt là Hàn Quốc, tên tiếng Anh là Republic of Korea (ngày 15 tháng 8 năm 1948, Tổng thống là Lý Thừa Vãn) và CHDCND Triều Tiên ở phía Bắc (ngày 09 tháng 9 năm 1948, Chủ tịch nước là Kim Nhật Thành), tên tiếng Anh là Democratic People’s Republic of Korea lấy vĩ tuyến 380 Bắc làm ranh giới. Cuộc chiến tranh Triều Tiên 1950-1953 đã không làm thay đổi được cục diện trên bán đảo, vĩ tuyến 38 trở thành đường ranh giới quân sự cho đến ngày này.

**3. Văn hoá xã hội**

Hàn Quốc có chung nền văn hóa truyền thống với CHDCND Triều Tiên. Tuy vậy, văn hóa hiện đại của Nam Hàn lại khác biệt với Bắc Hàn. K-Pop (viết tắt của Korean Pop, Pop Hàn Quốc) là dòng nhạc Pop ở Hàn chịu ảnh hưởng của J-Pop (Pop Nhật).

**4. Du lịch**

Hàn Quốc là một đất nước có nền du lịch và công nghiệp giải trí phát triển, là nơi có nhiều danh lam thắng cảnh đẹp. Là một quốc gia bán đảo có bốn mùa rõ rệt, Hàn Quốc có các thung lũng, ngọn núi, những dòng sông và bãi biển đẹp như tranh. Các danh lam như núi Baekdu, ngọn núi được xem là núi thiêng của bán đảo Hàn Quốc và dân chúng Hàn Quốc cho rằng đó là nơi khai sinh nguồn cội của dân tộc mình. Du khách



nước ngoài cũng ghé thăm đảo Cheju, đảo Doldo, Dadohea Haesang National Park công viên quốc gia thuộc Wando-gun tỉnh Jeollanam-do được tạo thành từ 1700 hòn đảo lớn nhỏ, nằm trải dài tại phía Tây Nam Hàn. (Chi tiết xem thêm phần Phụ lục)

Hàn Quốc có 7 sân bay quốc tế: Busan (sân bay Kimhae), Cheongju, Daegu, Jeju, Muan, Seoul (sân bay Gimpo và sân bay quốc tế Incheon). Sân bay quốc tế Incheon nằm cách Trung tâm Seoul khoảng 1 giờ xe ô tô về phía Tây. Sân bay này có tất cả các chuyến bay quốc tế chính trong khi sân bay Kimhae của Busan và sân bay Jeju có một số chuyến bay đến các nước lân cận như Nhật Bản.

Korean Air và Asiana là hai hãng hàng không chính ở Hàn Quốc.

## 5. Con người

Hàn Quốc là một đất nước có một dân tộc duy nhất, nói và viết một thứ ngôn ngữ. Với những đặc tính riêng về thể chất, người Hàn được coi là con cháu của một vài bộ lạc Mông Cổ từ vùng Trung á di cư đến bán đảo Triều Tiên. Vì vậy họ không bị vướng vào các vấn đề dân tộc và rất đoàn kết. Người Hàn sống chan hòa thân thiện và có kỷ luật và có xu hướng tôn trọng tuổi tác.

## 6. Quan hệ quốc tế

Hàn Quốc là thành viên Liên Hợp Quốc (tháng 9/1991), tham gia Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD năm 1996), là thành viên của WTO, ASEM, APEC...

- *Với Mỹ*: Hàn Quốc coi quan hệ đồng minh với Mỹ là quan trọng hàng đầu vì lý do an ninh và phát triển kinh tế. Năm 1954, ký Hiệp ước An ninh chung Hàn Quốc - Mỹ, tiếp tục duy trì đến nay. Hiện nay, Mỹ đang duy trì lực lượng gồm 37 nghìn quân đóng tại Hàn Quốc nhưng đang có kế hoạch rút 12.500 quân (khoảng 1/3) khỏi Hàn Quốc trong vài năm tới.

- *Với Nhật Bản* : Hai nước bình thường hoá quan hệ năm 1965 (Nhật Bản bồi thường cho Hàn Quốc 500 triệu USD); Nhật Bản là bạn hàng và hợp tác kinh tế số 3 của Hàn Quốc.

- *Với Trung Quốc*: Trước năm 1992, Hàn Quốc vẫn duy trì quan hệ với Đài Loan. Sau khi lập quan hệ ngoại giao, Trung Quốc đã vươn lên trở thành đối tác kinh tế lớn thứ 2 của Hàn Quốc (vượt Nhật Bản). Hàn Quốc coi trọng vai trò của Trung Quốc đối với khu vực, đặc biệt là trong việc giải quyết vấn đề Bán đảo Triều Tiên.

- *Với Nga*: Trong những năm gần đây, Hàn Quốc và Nga trao đổi nhiều đoàn cấp cao, Nga muốn đóng vai trò tích cực hơn tại bán đảo Triều Tiên.

- *Với ASEAN*: Hàn Quốc coi trọng quan hệ với tổ chức ASEAN và các nước Đông Nam Á, hoạt động tích cực trong khuôn khổ cơ chế ASEAN + 1, ASEAN + 3 và Diễn đàn An ninh khu vực (ARF).

Đến nay, Hàn Quốc đã có quan hệ ngoại giao với 183 nước trong số 191 nước trên thế giới. Ngày 21/10/1996, Hàn Quốc trở thành thành viên thứ 29 của OECD (tổ chức của các nước công nghiệp tiên tiến). Hàn Quốc đăng cai Hội nghị thượng đỉnh ASEM III năm 2000, được bầu làm Chủ tịch Đại hội đồng LHQ khoá 56 (9/2001-9/2002), đăng cai chung với Nhật Bản World Cup 2002, đăng cai ASIAD-14 Busan 2002, tổ chức Hội nghị cấp cao APEC 2005.

## 7. Văn hóa kinh doanh

Xã hội Hàn Quốc dựa trên những niềm tin vào Đạo Khổng, điều này cũng đồng nghĩa việc họ rất kính trọng bố mẹ, cấp trên; có trách nhiệm với gia đình, trung thành với bạn bè, khiêm tốn, thật thà và có tác phong nhã nhặn lịch sự. Khía cạnh quan trọng nhất trong xã hội Hàn Quốc chính là sự nhận thức được vị trí của mình trong xã hội cũng như công việc.



## II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

### 1. Tổng quan

- Bất chấp các ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á 1997, Hàn Quốc đã khôi phục kinh tế rất nhanh chóng và vững chắc. Người ta thường nhắc đến sự phát triển thần kỳ về kinh tế của Hàn Quốc như là "Huyền thoại sông Hán", đến nay huyền thoại này vẫn tiếp tục. Kinh tế Hàn Quốc lớn thứ 5 châu Á sau Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Indonesia và đứng thứ 14 thế giới với GDP năm 2016 đạt 1.929 tỷ USD. Năm 2017 Hàn Quốc được xếp hạng thứ 4 trong số 190 quốc gia theo Chỉ số kinh doanh dễ dàng tiếp cận của Ngân hàng Thế giới (World Bank's Ease of Doing Business Index), tăng một bậc so với năm trước và đạt mức cao nhất từ trước tới nay.

Theo Ngân hàng thế giới (WB) cho biết Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) danh nghĩa của Hàn Quốc năm 2018 là 1.619,4 tỷ USD, duy trì vị trí thứ 12 trên tổng số 205 nước trên thế giới, nối tiếp năm 2017.

- Trong năm 2017, cuộc bầu cử của Tổng thống MOON Jae-in đã mang lại một sự đột biến trong niềm tin của người tiêu dùng, một phần, vì những nỗ lực thành công của ông để tăng lương và chi tiêu chính phủ. Những yếu tố này kết hợp với sự tăng trưởng xuất khẩu đã thúc đẩy tăng trưởng GDP thực tế lên hơn 3%, bất chấp sự gián đoạn trong thương mại của Hàn Quốc với Trung Quốc trong việc triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa của Hoa Kỳ tại Hàn Quốc.

Tuy nhiên, bước sang năm 2018, kinh tế Hàn Quốc phải đối mặt với nhiều thách thức, ở cả trong và ngoài nước, như chế độ giờ làm việc tối đa 52 giờ/tuần hay cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung leo thang. Kinh tế Hàn Quốc tăng trưởng 2% trong năm 2019, thấp hơn so với ngưỡng 2,7% trong năm 2018 khi mà Hàn Quốc gặp khó trong chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc cũng như ngành bán dẫn nội địa suy giảm, theo công bố của Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc.

- Hàn Quốc là nước xuất khẩu lớn thứ 6 thế giới với 509 tỷ USD năm 2016, 577,4 tỷ năm 2017, nhập khẩu đạt 405,1 tỷ USD năm 2016, 457,5 tỷ năm 2017 đứng thứ 10 thế giới. Dự trữ ngoại tệ và vàng đạt 372,7 tỷ USD tính đến tháng 12/2016, 389,3 tỷ tính đến tháng 12/2017. Từ năm 2012, Hàn Quốc đã gia nhập Câu lạc bộ 7 nước có dân số 50 triệu dân và GDP đầu người trên 20.000 USD. Năm 2014, GDP bình quân đầu người từng mấp mé ngưỡng 30.000 USD, đạt 29.242 USD, rồi lại giảm xuống 28.724 USD trong năm 2015. Tuy nhiên, sau đó GDP đã tăng trở lại, đạt 31.605 USD vào năm 2017, mở ra thời đại 30.000 USD, đến năm 2018 tiếp tục tăng lên 33.346 USD. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người năm 2019 của Hàn Quốc đạt 31.791 USD, giảm 1.555 USD so với năm 2018

- Thế mạnh của công nghệ/công nghiệp Hàn Quốc là các ngành: điện tử, ô tô, hoá chất, đóng tàu (lớn nhất thế giới với các công ty đa quốc gia như Hyundai và Samsung Heavy Industries), thép (với POSCO là nhà sản xuất thép lớn thứ 3 thế giới), sợi, quần áo, da giày, chế biến thức ăn. Hiện nay Hàn Quốc đang đẩy mạnh phát triển các ngành công nghệ cao (hạt nhân, điện tử, tin học, sinh học, vật liệu mới, năng lượng mới, công nghệ xanh - sạch...) và đi đầu thực hiện mô hình mới về tăng trưởng qua chiến lược phát triển xanh.

### 2. Các ngành kinh tế mũi nhọn:

Ngành công nghiệp điện tử số

Ngành công nghiệp thông tin viễn thông

Ngành chất bán dẫn

Ngành công nghiệp ô tô

Ngành công nghiệp thép

Ngành công nghiệp đóng tàu

Ngành công nghiệp dệt

Ngành công nghiệp phụ tùng nguyên liệu

### 3. Các chỉ số kinh tế

	2017	2018	2019
<b>GDP (ppp)</b>	2.027 tỷ USD		
<b>Tăng trưởng GDP</b>	3,1%	2,7%	2%
<b>GDP theo đầu người</b>	31.605 USD/năm	33.346 USD/năm	31.791 USD/năm
<b>GDP theo ngành (2017)</b>	Nông nghiệp (2,2 %) - Công nghiệp (38,7 %) - Dịch vụ (59,1 %)		
<b>Tỷ lệ thất nghiệp</b>	3,8%		
<b>Tỷ lệ lạm phát</b>	1,9%		
<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	552,3 tỷ USD		
<b>Các đối tác xuất khẩu chính</b>	Trung Quốc (26%), Mỹ (13,3%), Nhật (5,8%), Việt Nam (5,3%), Nhật Bản (4,9%)		
<b>Mặt hàng chính</b>	Thiết bị bán dẫn, thiết bị viễn thông không dây, ô tô, máy tính, thép, tàu biển, sản phẩm hoá dầu, chất dẻo, nhựa		
<b>Kim ngạch nhập khẩu</b>	448,4 tỷ USD		
<b>Các đối tác nhập khẩu chính</b>	Trung Quốc (20,7%), Nhật Bản (10,5%), Mỹ (10,1%), Đức (4,8%), Ả Rập Xê Út (4,5%)		
<b>Mặt hàng chính</b>	Sản phẩm hóa dầu, thiết bị bán dẫn, khí tự nhiên, than đá, thép, máy tính, thiết bị viễn thông, ô tô, hoá chất hữu cơ, sản phẩm dệt		

*Nguồn: CIA-Fact Book*

### III. QUAN HỆ NGOẠI GIAO – CHÍNH TRỊ VỚI VIỆT NAM

Ngày thành lập quan hệ ngoại giao cấp Đại sứ: 22/12/1992

Ngày thiết lập quan hệ đối tác toàn diện trong thế kỷ 21: 8/2001

Ngày nâng cấp quan hệ thành “quan hệ đối tác hợp tác chiến lược”: 10/2009

Quan hệ hai nước hiện nay nâng tầm ở mức “Quan hệ đối tác hợp tác chiến lược”. Đối với Hàn Quốc, Việt Nam là một trong những quốc gia đối tác quan trọng về hợp tác phát triển. Đây là lý do vì sao Chính phủ Hàn Quốc đề xuất thực hiện Chiến lược Đối tác quốc gia (CPS) với Việt Nam giai đoạn 2011-2015 gắn liền với Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội và Khuôn khổ Chiến lược ODA của Việt Nam.

Hai bên thường xuyên trao đổi các đoàn cấp cao và các cấp, các ngành đã giúp tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, tăng cường quan hệ hợp tác song phương. Hai bên đã thỏa thuận xây dựng quan hệ “Đối tác toàn diện trong thế kỷ 21” giữa hai nước trên cơ sở những nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc và Luật pháp Quốc tế. Theo Tuyên bố chung về quan hệ đối tác toàn diện, hai bên nhất trí: Mở rộng trao đổi giữa các quan chức chính phủ và các nhà lãnh đạo chính trị giữa hai nước; gia tăng quy mô thương mại và đầu tư, tăng cường hợp tác trên các lĩnh vực kỹ thuật, công nghiệp, tài nguyên, công nghệ thông tin,



năng lượng. Tăng cường giao lưu giữa nhân dân hai nước, giao lưu trên các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, báo chí, học thuật, thể thao và du lịch, giao lưu thanh niên giữa hai nước. Tăng cường hợp tác song phương trong khuôn khổ ASEAN+3, APEC, ASEM và Liên hợp Quốc, WTO.

Năm 2007, Việt Nam và các nước ASEAN khác đã ký Hiệp định FTA ASEAN-Hàn Quốc. Quan trọng nhất chính là **Hiệp định thương mại tự do FTA Việt Nam-Hàn Quốc (KVFTA)** đã có hiệu lực vào cuối năm 2015 đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường và mở rộng hơn nữa quan hệ thương mại và đầu tư song phương

Kể từ sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao cho đến nay, giao dịch thương mại hai chiều giữa hai nước đã tăng 54 lần, đầu tư đã tăng lên 100 lần so với thời điểm ban đầu. Hiện tại, có khoảng 2.700 doanh nghiệp Hàn Quốc đang đầu tư tại Việt Nam, thu hút hàng trăm nghìn người lao động Việt Nam vào làm việc.

Tháng 4 – 1992	Hội ý thành lập Ban đại diện liên lạc giữa hai nước
Tháng 8 – 1992	Thành lập ban đại diện liên lạc tại Việt Nam
Tháng 10 – 1992	Thành lập Đại sứ quán, thiết lập quan hệ ngoại giao
Tháng 11 – 1993	Thành lập Tổng lãnh sự tại Thành phố Hồ Chí Minh

#### IV. QUAN HỆ KINH TẾ VỚI VIỆT NAM

Hàn Quốc vẫn tiếp tục coi Việt Nam là đối tác quan trọng hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á, là điểm đến bổ sung cho thị trường Trung Quốc đã bị bão hòa (Trung Quốc+1) do Việt Nam có sự ổn định về chính trị - xã hội, chi phí sản xuất còn tương đối thấp, lực lượng lao động và tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đã thiết lập được mạng lưới cung ứng ổn định cho hoạt động của các doanh nghiệp, tận dụng được thị trường tự do ASEAN (AFTA) và cơ chế Hiệp định FTA Hàn Quốc -ASEAN. **Hiệp định thương mại tự do FTA Việt Nam-Hàn Quốc (KVFTA)** đã có hiệu lực vào cuối năm 2015 đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường và mở rộng hơn nữa quan hệ thương mại và đầu tư song phương, đồng thời nâng cao hiệu quả của khuôn khổ pháp lý và thực thi chính sách thương mại, cải thiện quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, đặc biệt là môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của hai nền kinh tế Việt Nam và Hàn Quốc.

##### 1. Hợp tác thương mại

**Quan hệ thương mại song phương tăng trưởng đáng kể trong 2 thập kỷ qua. Thương mại hai chiều đã tăng từ 0,5 tỷ USD năm 1992 lên hơn 61 tỷ USD trong năm 2017.** Từ năm 2011, Hàn Quốc đã chính thức vượt qua Nhật Bản và trở thành thị trường lớn thứ 2 trên thế giới cung cấp hàng hoá sang thị trường Việt Nam (chỉ xếp sau Trung Quốc). Tuy nhiên, trong buôn bán với thị trường này, cán cân thương mại của Việt Nam vẫn bị thâm hụt lớn.

	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
<b>VN xuất</b>	4,71	5,58	6,63	7,14	8,93	11,42	14,82	18,24	19,72
<b>VN nhập</b>	13,2	15,5	20,7	21,7	27,61	32,03	46,73	47,58	46,93
<b>Kim ngạch XNK</b>	17,9	21,1	27,33	28,84	36,54	43,45	61,55	65,82	66,65

*Kim ngạch XNK giữa Việt Nam – Hàn Quốc - Đơn vị 1 tỷ USD - nguồn Tổng Cục Hải quan*

*Ghi chú: Tỷ trọng so với chỉ tiêu đó của cả nước, thực hiện thống kê hàng hóa nhập khẩu theo nước xuất xứ thay cho thống kê theo nước đối tác.*





	<b>Tổng trị giá xuất khẩu</b>	<b>14.822.854.924</b>	<b>Tổng trị giá nhập khẩu</b>	<b>46.734.424.969</b>
Top 5 mặt hàng có trị giá lớn nhất năm 2020	Điện thoại các loại và linh kiện	5.145.154.864	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	16.843.106.862
	Hàng dệt may	3.353.386.548	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	6.163.057.211
	Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.877.326.489	Điện thoại các loại và linh kiện	5.922.052.328
	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	1.626.067.663	Vải các loại	2.023.341.261
	Gỗ và sản phẩm gỗ	792.556.323	Xăng dầu các loại	1.846.319.971

*Top 5 - Mặt hàng XNK (2020) - Đơn vị: USD- nguồn Tổng Cục Hải quan*

Năm 2019 Xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với châu Á tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất (65,4%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước. Trị giá xuất nhập khẩu trong năm 2019 với thị trường này đạt 338,35 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm 2018, trong đó trị giá xuất khẩu là 135,45 tỷ USD, tăng 2,9% và trị giá nhập khẩu là 202,9 tỷ USD, tăng 6,6%.

Trong đó, với thị trường Hàn Quốc, cán cân thương mại của Việt Nam luôn trong tình trạng nhập siêu rất cao trong nhiều năm qua. Các mặt hàng nhập siêu chủ yếu là: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, máy móc thiết bị; điện thoại.... Tuy nhiên trong năm 2019 tình trạng nhập siêu đã có xu hướng giảm nhẹ, kim ngạch nhập khẩu 2019 đạt 46,93 tỷ USD; giảm 1,4% so với năm 2018.

Về xuất khẩu: Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hàn Quốc năm 2019 đều có kim ngạch tăng so với năm 2018 như Điện thoại các loại và linh kiện tăng 13,5 %; Máy vi tính sản phẩm điện tử & linh kiện tương ứng tăng 14,7%... Hàng dệt may tăng 1,7% Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác tăng 31,8%. Đây là dấu hiệu đáng mừng trong cân bằng cán cân thương mại giữa hai nước.

## 2. Hợp tác đầu tư

Hợp tác kinh tế song phương chiếm vị trí hết sức quan trọng trong quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc. Hiện nay, hai nước đã trở thành đối tác quan trọng của nhau. Hàn Quốc luôn là một trong mười đối tác quan trọng của Việt Nam, cả về đầu tư và thương mại.

Năm 2014 Hàn Quốc đã trở thành nhà đầu tư lớn nhất với 4.110 dự án, 37,23 tỷ USD vốn đăng ký. Vị trí hàng đầu này vẫn tiếp tục duy trì trong các năm tiếp theo. Tính lũy kế đến hết tháng 12 năm 2019, Hàn Quốc vẫn là nước đứng đầu trong số 129 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam, với tổng vốn đăng ký 67,70 tỷ USD (chiếm 18,67% tổng vốn đầu tư). Nhật Bản đứng thứ hai với 59,33 tỷ USD (chiếm 16,36% tổng vốn đầu tư), tiếp theo lần lượt là Singapore và Đài Loan, Hồng Kông, Britishvirgin Islands.5

Riêng năm 2019, vốn đầu tư nước ngoài đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đạt 38,02 tỷ USD, trong đó, Hàn Quốc dẫn đầu với tổng vốn đầu tư 7,92 tỷ USD chiếm 20,8%; số dự án cấp mới là 1137 dự án; số vốn đăng ký cấp mới là 3,6 tỷ USD.

Đầu tư trực tiếp luôn là điểm sáng trong quan hệ hai nước, Hàn Quốc hiện là nhà đầu tư lớn nhất tại Việt Nam và Việt Nam là đối tác đầu tư ra nước ngoài lớn thứ 4 của Hàn Quốc (sau Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hồng Kông). Quy mô trung bình mỗi dự án FDI của Hàn Quốc là 9 triệu USD, bằng 67% quy mô trung bình các dự án FDI tại Việt Nam (do có nhiều dự án nhỏ trong lĩnh vực dịch vụ). Doanh nghiệp FDI Hàn Quốc là thành phần quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, sử dụng khoảng 700 nghìn lao động và đóng góp khoảng 30% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam. FDI của Hàn Quốc chủ yếu thuộc lĩnh vực: công nghiệp chế biến, chế tạo (84% tổng vốn đăng ký); Chuyên môn R&D; Xây dựng; Kinh doanh bất động sản... trong đó đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo có xu hướng tăng mạnh từ năm 2009, từ mức 60% giai đoạn trước lên mức trên 80% hiện nay. Ngoài ra, đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử, công nghiệp, công nghệ cao chiếm ưu thế so với các dự án công nghiệp nhẹ, thâm dụng lao động trước đây.

*Một số dự án FDI lớn của Hàn Quốc trong năm 2019:*

- Dự án Tổ hợp vui chơi giải trí đa năng - trường đua ngựa (Hàn Quốc), tổng vốn đầu tư đăng ký 420 triệu USD với mục tiêu xây dựng Trường đua ngựa; tổ chức hoạt động đua ngựa; tổ chức đặt cược đua ngựa; thực hiện quyền xuất nhập khẩu, bán buôn bán lẻ hàng hóa; xây dựng, kinh doanh khách sạn và biệt thự 3 sao; xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình dân dụng khác tại Hà Nội.
- Dự án LG Display Hải Phòng (Hàn Quốc) điều chỉnh tăng vốn đầu tư thêm 410 triệu USD.

#### **Đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc vào Việt Nam (số lũy kế)**

	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Số dự án (dự án)	3.112	3.186	3.546	4.110	4.944	5.781	6.532	7.459	8.467
Số vốn đăng ký (triệu USD)	22,9 tỷ USD	24,7 tỷ USD	29 tỷ USD	37,23 tỷ USD	44,9 tỷ USD	50,8 tỷ USD	57,7 tỷ USD	62,56 tỷ USD	67,70 tỷ USD

*Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài*

#### **Khả năng đầu tư Hàn Quốc vào Việt Nam:**

- Chính sách chung và cơ bản của Chính phủ Hàn Quốc trong thời gian tới vẫn là tăng cường phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại thông qua các kênh đầu tư trực tiếp và gián tiếp, cung cấp ODA, phát triển thương mại với hệ thống các FTA trên khắp thế giới (đã thực hiện FTA với EU từ 2010, với Mỹ 2012, đang chuẩn bị đàm phán vòng 1 Hiệp định tay ba Hàn - Trung - Nhật, tham gia đàm phán TPP (Đối tác xuyên Thái Bình Dương), từ tháng 5/2013 tham gia đàm phán Hiệp định Đối tác toàn diện khu vực (RECP)1.

- Với Việt Nam, Hàn Quốc vẫn tiếp tục coi Việt Nam là đối tác quan trọng hàng đầu ở khu vực Đông Nam Á, là điểm đến bổ sung cho thị trường Trung Quốc đã bị bão hòa (Trung Quốc+1) do Việt Nam có sự ổn định về chính trị - xã hội, chi phí sản xuất còn tương đối thấp, lực lượng lao động và tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đã thiết lập được mạng lưới cung ứng ổn định cho hoạt động của các doanh nghiệp, tận dụng được thị trường tự do ASEAN (AFTA) và cơ chế Hiệp định FTA Hàn Quốc –ASEAN, quan trọng nhất chính là **Hiệp định thương mại tự do FTA Việt Nam-Hàn Quốc (KVFTA)** đã có hiệu lực vào 12/2015, trong đó bao hàm cả lĩnh vực đầu tư, thương mại hàng hóa và dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ (IPR).



## Một số điểm cần lưu ý trong thu hút đầu tư Hàn Quốc thời gian tới

(i) Về chiến lược thu hút và tiếp nhận đầu tư: Đứng trước thách thức của mục tiêu “đến năm 2020 đưa nước ta về cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”, cần tạo mọi điều kiện cho chuyển giao công nghệ để thực hiện thành công quá trình “nội địa hóa” và phát triển công nghiệp quốc gia (có thể học tập kinh nghiệm của Hàn Quốc thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa chỉ trong 30 năm). Nếu không nội địa hóa được thì sẽ không có ngành công nghiệp quốc nội và ta sẽ tiếp tục phụ thuộc nặng vào công nghiệp/công nghệ nước ngoài, làm gia công, làm thuê, bị khai thác tài nguyên thiên nhiên và nguồn nhân lực giá rẻ, trong khi giá trị gia tăng tạo ra trong toàn xã hội rất thấp.

(ii) Bên cạnh việc thu hút các ngành công nghiệp cơ bản từ Hàn Quốc, cần đẩy mạnh thu hút các ngành công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến, kể cả chế biến nông lâm hải sản để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu (trong đó có xuất khẩu sang Hàn Quốc) để đáp ứng đúng khâu vị và thị hiếu của người Hàn Quốc và phục vụ tiêu dùng của cộng đồng 123.000 người Việt tại Hàn Quốc.

(iii) Hàn Quốc đang chú trọng thực hiện mô hình phát triển xanh ở Hàn Quốc cũng như đi đầu thúc đẩy áp dụng mô hình này tại các nước khác, trong đó có Việt Nam mà Hàn Quốc coi là đối tác chiến lược về tăng trưởng xanh. Trong chính sách ODA cho các nước, Hàn Quốc cũng ưu tiên cung cấp 70% ODA cho lĩnh vực xây dựng hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực và tăng trưởng xanh (riêng ODA cho lĩnh vực tăng trưởng xanh chiếm tới 20%). Do đó, về ODA, bên cạnh việc tăng cường thu hút đầu tư của Hàn Quốc vào lĩnh vực xây dựng hạ tầng, ta cần chú trọng thu hút đầu tư của Hàn Quốc vào các ngành công nghiệp và công nghệ xanh.

(iv) Về phương thức đầu tư, ta cần chú trọng mô hình đối tác công - tư (PPP) theo Quyết định số 71/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Hàn Quốc (cũng như Nhật) là nước đã thành công và có rất nhiều kinh nghiệm về PPP. Qua trao đổi, Hàn Quốc rất ủng hộ và sẵn sàng tham gia đầu tư theo phương thức PPP.

(v) Cần tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư của ta để thu hút thêm nhiều đầu tư của Hàn Quốc và Nhật; cải thiện về thủ tục hành chính, các biện pháp khuyến khích đầu tư, môi trường kinh tế vĩ mô... để các nhà đầu tư Hàn Quốc được thuận lợi và yên tâm đầu tư vào Việt Nam.

Trong 30 năm, 10 năm đầu Hàn Quốc tiếp thụ và hoàn toàn phụ thuộc vào công nghiệp và công nghệ nước ngoài (Mỹ, phương Tây, Nhật), 10 năm sau thực hiện chuyển giao và nắm vững công nghệ, nội địa hoá và 10 năm sau cùng đã tự chủ và sáng tạo được công nghệ mới như công nghệ điện hạt nhân, sắt thép, đóng tàu, điện tử, sinh học, hóa chất...).

Hiện Việt Nam là nước cung cấp hải sản lớn thứ 3 cho Hàn Quốc sau Trung Quốc và Nga, chiếm tới 11% các sản phẩm thủy sản đông lạnh. Việt Nam cũng khai thác được trên 90% thị phần thủy sản Hàn Quốc dành cho các nước ASEAN theo Hiệp định FTA ASEAN – Hàn Quốc.

### Các thoả thuận/hiệp định quan trọng đã ký như:

Hiệp định hợp tác kỹ thuật – kinh tế ( tháng 2/1993)

Hiệp định bảo đảm đầu tư (tháng 5/1993)

Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (tháng 5/1994)

Hiệp định văn hóa (tháng 8/1994)

Hiệp định hợp tác thuế quan (tháng 3/1995)



Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc VKFTA (tháng 5/2015)

### 3. Hợp tác trong các lĩnh vực khác

- **Về khoa học công nghệ:** Hàn Quốc đang hỗ trợ Việt Nam phát triển năng lượng mặt trời, xây dựng công viên công nghệ xanh, Viện Khoa học Công nghệ V-KIST, thực hiện chương trình Chia sẻ tri thức (KSP) về nhiều lĩnh vực phát triển.

#### - Viện trợ ODA của Hàn Quốc cho Việt Nam:

Theo Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam, Hàn Quốc là nước viện trợ lớn thứ 2 của Việt Nam sau Nhật Bản và Việt Nam là nước nhận viện trợ ODA lớn nhất của Hàn Quốc với các dự án tiêu biểu như: Cầu Vàm Cống, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, bệnh viện đa khoa TƯ Quảng Nam. Hàn Quốc viện trợ 215 triệu USD cho 6 dự án gồm: Bệnh viện Đà Nẵng, Lào Cai, Nhà máy điện mặt trời Quảng Bình, chương trình cấp thoát nước Long Xuyên, chương trình chống biến đổi khí hậu và Trung tâm thông tin dữ liệu chính phủ. Đại sứ Hàn Quốc cũng đã thông báo về những đóng góp của các doanh nghiệp Hàn Quốc cho công tác xã hội của Việt Nam. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu gặp khó khăn, các doanh nghiệp Hàn Quốc vẫn tiếp tục giúp đỡ Việt Nam trong đào tạo, tình nguyện xã hội và tình nguyện y tế ... Hàn Quốc đã hỗ trợ 1,2 tỷ USD vốn vay ưu đãi từ Quỹ hợp tác phát triển kinh tế (EDCF) cho giai đoạn 2012-2015. Cuối năm 2017, chính phủ Hàn Quốc đã ký kết Hiệp định khung với Việt Nam cho các khoản tín dụng từ Quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc (EDCF) lên đến 1,5 tỷ USD vốn ODA cho giai đoạn 2016 - 2020. Theo Hiệp định tín dụng khung 2016 - 2020, chính phủ Hàn Quốc cung cấp cho Chính phủ Việt Nam khoản tín dụng ODA trị giá 1,5 tỷ USD cùng một số điều kiện cơ bản đi kèm. Khoản tín dụng này sẽ được sử dụng để tài trợ cho các dự án do chính phủ 2 nước lựa chọn.

Năm 2019 Việt Nam tiếp tục là đối tác ưu tiên hàng đầu mà Hàn Quốc cung cấp hỗ trợ phát triển. Viện trợ cho Việt Nam chiếm 20% tổng số viện trợ của Hàn Quốc cho các nước, trong đó 90% là vốn vay ODA và 10% là viện trợ không hoàn lại. Ngoài vốn ODA, Hàn Quốc còn sẵn sàng cung cấp các khoản tín dụng ưu đãi qua khuôn khổ hợp tác tài chính để hỗ trợ Việt Nam thực hiện các dự án hạ tầng quy mô lớn.

Hiện nay, Việt Nam có khoảng 160 nghìn người Việt Nam đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Theo thỏa thuận về chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài (EPS - trong đó có Việt Nam, ký kết lần đầu vào ngày 2-6-2004, cứ hai năm một lần phía Hàn Quốc và Việt Nam sẽ ký lại bản thỏa thuận để chương trình được triển khai liên tục. Tuy nhiên, sau lần ký mới nhất (vào ngày 29-10-2010 và đã hết hiệu lực vào ngày 28-8-2012) cho đến nay, phía Hàn Quốc đã không ký tiếp MOU.

#### Hợp tác du lịch:

Tốc độ tăng trưởng khách du lịch Hàn Quốc tại Việt Nam trong 3 năm qua đạt những con số rất ấn tượng. Nếu như năm 2016, Việt Nam đón khoảng 1,5 triệu khách Hàn Quốc thì đến năm 2018, con số này đã tăng lên 3,5 triệu và đến năm 2019, cán mốc 4,3 triệu lượt. Hiện trung bình mỗi tuần có hơn 100 chuyến bay thẳng Việt Nam - Hàn Quốc. Đầu năm 2020, dù ảnh hưởng của dịch viêm phổi cấp do virus corona, lượng khách Hàn Quốc đến Việt Nam vẫn đạt con số ấn tượng với 468 nghìn lượt khách, tăng 10% so với tháng 12/2019

Từ ngày 01/7/2004, Việt Nam đã đơn phương miễn visa cho công dân Hàn Quốc.

#### Hợp tác văn hoá - giáo dục:

Hai nước đã ký Hiệp định Văn hoá tháng 8/1994 cùng nhiều thỏa thuận hợp tác giao lưu thanh niên và giáo dục khác, thường xuyên có các hoạt động giao lưu văn hoá, nghệ thuật, triển lãm, điện ảnh và công diễn. Nhiều người Việt Nam đã tốt nghiệp đại học, cao học tại Hàn Quốc.

#### Các tổ chức hữu nghị:



Tháng 9/1994 Việt Nam thành lập Hội Hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc. Năm 2001, Hàn Quốc thành lập Hội Giao lưu Hữu nghị Hàn Quốc - Việt Nam. Tháng 5/1993 Hàn Quốc thành lập Hội Nghị sỹ hữu nghị Hàn Quốc - Việt Nam. Tháng 5/1995 Việt Nam thành lập Hội nghị sỹ hữu nghị Việt Nam - Hàn Quốc./.

## V. HỢP TÁC VỚI VCCI

### 1. Thỏa thuận hợp tác đã ký kết

Thỏa thuận hợp tác ký kết giữa hai Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Phòng Thương mại Hàn Quốc năm 1991. Trong đó, hai bên thỏa thuận thành lập Ủy ban Hợp tác kinh tế Việt-Hàn, Hàn-Việt. Chủ tịch phân ban phía Việt Nam hiện nay do Phó Chủ tịch Thường trực Hoàng Văn Dũng làm Chủ tịch. Hai bên đã tổ chức được 10 kỳ họp.

Được sự phê chuẩn của Chính phủ Việt Nam, nhằm thúc đẩy quan hệ thương mại, đầu tư, du lịch... tạo ra một kênh giao lưu giữa cộng đồng doanh nghiệp hai nước, năm 2011 Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thành lập Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam – Hàn Quốc. Diễn đàn cũng là kênh thông tin chính thức để cộng đồng doanh nghiệp hai nước đóng góp ý kiến với các Chính phủ nhằm tạo dựng môi trường kinh doanh và khuôn khổ hợp tác ngày càng thuận lợi.

Chủ tịch VCCI Vũ Tiến Lộc cũng là Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Nam-Hàn Quốc. Hội hữu nghị Việt Nam-Hàn Quốc thành lập ngày 3/11/1994. Hội có nhiệm vụ thông tin giới thiệu với nhân dân Việt Nam về lịch sử, văn hóa đời sống và những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng đất nước của nhân dân Hàn Quốc; giới thiệu với nhân dân Hàn Quốc về lịch sử, văn hóa, đời sống, làm cầu nối trong hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật và giao lưu văn hóa giữa nhân dân hai nước.

### 2. Hoạt động đã triển khai

#### Các đoàn Hàn Quốc sang thăm Việt Nam:

- Đoàn doanh nghiệp tháp tùng Tổng thống Hàn Quốc Lee Myung Bak sang thăm Việt Nam tháng 10/2009;
- Đoàn doanh nghiệp tháp tùng Tổng thống Hàn Quốc Park Geun Hee sang thăm Việt Nam tháng 9/2013;
- Đoàn doanh nghiệp tháp tùng Tổng thống Hàn Quốc Mun Che In sang thăm Việt Nam tháng 3/2018
- Đoàn doanh nghiệp tháp tùng Chủ tịch Ủy ban tổng thống về chính sách hướng Nam mới Hàn Quốc Joo Hyung Cheol sang thăm Việt Nam tháng 11/2019
- Các đoàn doanh nghiệp từ Hàn Quốc sang Việt Nam khảo sát thị trường, tìm kiếm cơ hội xúc tiến thương mại với các doanh nghiệp Việt Nam thường xuyên khoảng 15-20 đoàn hàng năm

#### Các đoàn doanh nghiệp Việt Nam sang Hàn quốc:

- Đoàn doanh nghiệp Hội đồng doanh nhân nữ tháp tùng Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan đi thăm và làm việc tại Hàn Quốc tháng 9/2009.
- Đoàn doanh nghiệp tháp tùng Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đi thăm chính thức Hàn Quốc tháng 11/2011
- Phối hợp với KCCI, ĐSQ Hàn Quốc tại Việt Nam triển khai các hoạt động của Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam-Hàn Quốc năm 2012.
- Đoàn doanh nghiệp đi khảo sát thị trường Hàn Quốc và tham dự Hội chợ hàng tiêu dùng G-Fair 2012 tại Hàn Quốc



- Đoàn doanh nghiệp đi khảo sát thị trường Hàn Quốc (tháng 10/ 2013)
- Đoàn doanh nghiệp đi khảo sát thị trường Hàn Quốc (tháng 10/ 2014)

## VI. THÔNG TIN HỮU ÍCH

Đơn vị - Địa chỉ	Tel/Fax	Email/Website
<b>Việt Nam</b>		
Ban Quan hệ quốc tế, VCCI Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội	T: +84-24-35742022/ Máy lẻ 305	<a href="mailto:ngoctb@vcci.com.vn">ngoctb@vcci.com.vn</a>
Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam Đại sứ đặc mệnh toàn quyền: H.E. PARK NO WAN Tham tán công sứ: KIM DONG BAE Tham tán thương mại: KIM EUI JOONG Địa chỉ: Tầng 28, Tòa nhà Lotte Center Hanoi, 54 Liễu Giai, HN	Tel: +84-24-38315110-6, Fax: + 84-24-38315117	Email: <a href="mailto:korembiviet@mofat.go.kr">korembiviet@mofat.go.kr</a>
Cơ quan Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Hàn Quốc (KOTRA) Địa chỉ: Tầng 20, Charmvit Tower, 117 Tran Duy Hung Street, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam	Tel: +84-4-39460511-8 Fax: + 84-4-39460519	
Hiệp hội doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam Địa chỉ: Tầng 13, Tòa nhà Chamvit 117 Trần Duy Hưng, Hà Nội Chủ tịch: Ông Ryu Hang Ha	Tel : (84 24) 3555 3341 / Fax : (84 24) 3555 3342	E-mail : <a href="mailto:info3@korchamvietnam.com">info3@korchamvietnam.com</a> Website : <a href="http://korchamvietnam.com">http://korchamvietnam.com</a>
Phòng Thương mại và Công nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam Trưởng đại diện: Ông Yun Ok Hyun Địa chỉ: Flr 9, Phòng 907, Daeha Business Center, 360 Kim Ma, Ba Dinh Str, Hanoi	Tel: +84-24-37713719 Fax: +84-24-37713719	
<b>Hàn Quốc</b>		
Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc Đại sứ đặc mệnh toàn quyền- Ông Nguyễn Vũ Tú Tel: (82-2)-7205124	Địa chỉ: 123 Bukchon-ro, Jongno-gu, Seoul, Korea 110-230 Điện thoại: 720.5124/725.2487 Fax: 720.4684/739.2064	Email: vietnamembassyseoul@gmail.com Website : <a href="https://vietnamembassy-seoul.org">https://vietnamembassy-seoul.org</a>



<p>Fax: (82-2)-7392064</p>		
<p><i>Thương vụ Việt Nam tại Hàn Quốc</i>                  Tham tán thương mại - Ông Chu Thăng Trung                  Địa chỉ: 6th Floor, Golden Bridge Building,                  222 Chungjeongno 3-ga, Seodaemun-gu,                  Seoul 120-708, Republic Korea</p>	<p>Tel: +82-2-364-3661,364-3662                  Fax: +82-2-364-3664</p>	<p>Email: <a href="mailto:trungct@moit.gov.vn">trungct@moit.gov.vn</a>;</p>
<p><i>Phòng Thương mại và Công nghiệp Hàn Quốc (KCCI)</i>                  Chủ tịch: Ông Park Yongmaan                  Địa chỉ: C.P.O Box 25, Seoul, Korea</p>	<p>Tel: +82-2-6050-3551                  Fax: +82-2-6050-3900</p>	
<p><i>Phòng Thương mại và Công nghiệp Busan</i>                  Chủ tịch: Ông Cho Sung Je                  Địa chỉ: 853-1, Bumchun-Dong, Busanjin-Ku, Busan, Korea 614-721</p>	<p>Tel: +82-51-990-7085,                  Fax: +82-51-990-7099</p>	<p>Email: <a href="mailto:julyjang@pcci.or.kr">julyjang@pcci.or.kr</a>                  Website: <a href="http://www.pcci.or.kr">http://www.pcci.or.kr</a></p>





Bảng 1. Xuất khẩu VN sang Hàn Quốc năm 2019 (tham khảo)

BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5X/TCHQ  
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

**XUẤT KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU**  
Tháng 12 năm 2019

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
<b>HÀN QUỐC</b>			<b>1.472.585.498</b>		<b>19.720.083.480</b>
Hàng thủy sản	USD		69.279.736		781.891.541
Hàng rau quả	USD		12.120.669		131.845.979
Cà phê	Tấn	3.548	6.591.292	34.474	66.499.665
Hạt tiêu	Tấn	349	975.664	4.744	13.089.509
Sản và các sản phẩm từ sản	Tấn	7.201	2.426.675	99.081	29.326.975
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		5.842.103		48.250.834
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		2.171.405		22.773.998
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	97	281.572	20.714	5.962.851
Than các loại	Tấn	11.000	1.875.500	161.709	27.267.864
Dầu thô	Tấn			263.225	134.659.192
Xăng dầu các loại	Tấn	2.998	2.072.127	75.618	48.002.242
Hóa chất	USD		5.888.840		68.689.280
Sản phẩm hóa chất	USD		8.718.466		89.750.438
Phân bón các loại	Tấn	1.328	325.970	33.398	8.002.427
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	1.340	1.968.294	11.330	19.235.031
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		17.343.780		204.706.107
Cao su	Tấn	4.448	6.656.318	46.261	66.760.019
Sản phẩm từ cao su	USD		5.765.292		69.122.558
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	USD		13.140.140		138.511.768
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	USD		1.869.171		18.416.172
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		72.630.725		792.556.323
Giấy và các sản phẩm từ giấy	USD		2.583.508		24.975.788
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	15.269	35.322.192	147.720	350.180.232
Hàng dệt, may	USD		238.823.673		3.353.386.548
Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	USD		6.022.716		62.778.859
Giày dép các loại	USD		57.569.632		604.867.016
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		7.010.152		98.762.864
Sản phẩm gốm, sứ	USD		3.043.577		32.067.855
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		2.747.439		28.644.910
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	USD		1.876.882		19.037.092
Sắt thép các loại	Tấn	16.987	10.444.877	225.876	151.902.859
Sản phẩm từ sắt thép	USD		15.009.399		175.059.454
Kim loại thường khác và sản phẩm	USD		22.142.840		249.259.850
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		215.523.130		2.877.326.489
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		249.891.709		5.145.154.864
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	USD		28.182.174		381.464.335
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD		166.320.487		1.626.067.663
Dây điện và dây cáp điện	USD		15.450.461		174.406.875
Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD		33.945.809		384.707.613
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	USD		2.230.352		34.826.302
Hàng hóa khác	USD		120.500.750		1.159.885.238



Bảng 2. Nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam 2019 (tham khảo)

BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Biểu số 5N/TCHQ  
Cục CNTT & Thống kê Hải quan

Sơ bộ

**NHẬP KHẨU NƯỚC/VÙNG LÃNH THỔ - MẶT HÀNG CHỦ YẾU**

Tháng 12 năm 2019

Nước/Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Số liệu tháng báo cáo		Cộng dồn đến hết tháng báo cáo	
		Lượng	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá (USD)
<b>HÀN QUỐC</b>			<b>3.761.767.203</b>		<b>46.934.575.800</b>
Hàng thủy sản	USD		6.368.785		76.002.798
Sữa và sản phẩm sữa	USD		1.173.800		13.693.079
Hàng rau quả	USD		7.028.111		38.518.841
Dầu mỡ động thực vật	USD		518.860		4.861.984
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	USD		4.591.173		39.270.573
Chế phẩm thực phẩm khác	USD		4.101.986		47.494.311
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD		2.655.253		44.217.854
Quặng và khoáng sản khác	Tấn	3.678	635.671	37.217	11.987.717
Xăng dầu các loại	Tấn	340.159	219.802.018	2.837.349	1.846.319.971
Khí đốt hóa lỏng	Tấn	335	375.235	7.465	5.380.503
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	USD		17.265.245		183.841.922
Hóa chất	USD		42.722.516		434.807.732
Sản phẩm hóa chất	USD		63.865.996		713.689.406
Nguyên phụ liệu dược phẩm	USD		262.906		4.503.507
Dược phẩm	USD		21.602.316		178.371.782
Phân bón các loại	Tấn	8.328	5.292.391	94.973	38.541.157
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	USD		8.118.004		70.507.596
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	USD		3.724.153		29.399.335
Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	88.655	128.541.545	1.051.785	1.609.554.889
Sản phẩm từ chất dẻo	USD		145.384.160		1.791.443.346
Cao su	Tấn	13.484	21.411.338	133.315	227.976.805
Sản phẩm từ cao su	USD		8.893.562		113.043.409
Gỗ và sản phẩm gỗ	USD		4.510.218		21.596.014
Giấy các loại	Tấn	25.875	21.075.435	324.458	285.511.377
Sản phẩm từ giấy	USD		6.317.410		65.185.528
Bông các loại	Tấn	287	329.099	4.764	7.059.398
Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	6.656	14.048.839	74.965	174.466.718
Vải các loại	USD		176.991.189		2.023.341.261
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD		57.079.554		719.745.675
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	USD		4.043.416		75.621.757
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	USD		4.536.780		61.070.731
Sắt thép các loại	Tấn	173.921	126.326.622	1.766.653	1.409.222.878
Sản phẩm từ sắt thép	USD		66.084.786		708.498.414
Kim loại thường khác	Tấn	39.469	124.600.142	456.763	1.478.943.612
Sản phẩm từ kim loại thường khác	USD		21.487.141		223.111.664
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD		1.038.414.453		16.843.106.862
Hàng điện gia dụng và linh kiện	USD		5.556.987		58.954.603
Điện thoại các loại và linh kiện	USD		595.976.142		5.922.052.328
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	USD		14.894.713		393.177.840
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD		562.454.126		6.163.057.211
Dây điện và dây cáp điện	USD		13.003.953		171.263.385
Ô tô nguyên chiếc các loại	Chiếc	157	12.757.095	1.290	93.263.398
Linh kiện, phụ tùng ô tô	USD		70.071.522		1.145.720.280
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	USD		5.404.940		46.783.354
Hàng hóa khác	USD		101.467.615		1.320.392.993